TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-PT
Ngày 17 tháng 8 năm 2021
V/v"Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;

Các Thẩm phán: Ông Đinh Xuân Tuấn;

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2021/TLPT-HNGĐ ngày 29/4/2021về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Anh T, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Số S, đường A, phường N, quận T, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T: Luật sư Vũ Quang D - VPLS Quang D và cộng sự - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh (có mặt);

Địa chỉ: Số T phố C, phường Đ, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Thọ L, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn Kiều, xã Hiên Vân, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Anh T trình bày: Chị kết hôn với anh Vũ Thọ L vào ngày 22/10/2001 trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiên Vân, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung với gia đình nhà anh L được 4 năm thì ra ở riêng trên thửa đất khác của bố mẹ anh L tại thôn Kiều, xã Hiên Vân, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Bản thân anh L không quan tâm, không có trách nhiệm với con cái, gia đình. Kinh tế gia đình chủ yếu do một mình chị lo, anh L đi làm có tiền cũng chỉ đưa cho chị một phần nhỏ, còn lại anh L giữ chi tiêu cá nhân riêng. Chính vì vậy mà kinh tế gia đình bao nhiêu năm qua vẫn khó khăn, vợ chồng chị vẫn phải ở nhà thuê, không có tiền mua nhà đất. Do các con lúc đó còn nhỏ nên vợ chồng chị vẫn cố duy trì cuộc sống mong muốn thời gian sẽ giải quyết được những mâu thuẫn trên. Tuy nhiên, càng chung sống với nhau thì vợ chồng càng mâu thuẫn nghiêm trọng, ảnh hưởng đến việc học hành của con cái. Vợ chồng tuy sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Nay, chị xác định không thể tiếp tục chung sống với anh L được vì không còn tình cảm, chị đề nghị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Thọ Đ, sinh ngày 23/02/2004 và Vũ Thị Khánh V, sinh ngày 05/3/2009. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con và yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 4.000.000 đồng/1 con/1 tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Hiện chị làm việc tại Công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp H, địa chỉ tại Hà Nội, với mức lương chính là 8.000.000 đồng và các khoản phụ cấp khác.

Về tài sản chung:

- Tháng 4/2016, vợ chồng chị có mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 30A- 158.47 của anh Nguyễn Văn H (tên chủ xe) ở thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội với giá hơn 400.000.000 đồng. Khi đi mua xe cả 2 vợ chồng đều đi, chữ viết tại giấy tờ mua bán xe là do chị viết, còn anh Hòa và anh L ký mua bán với nhau. Hiện tại anh L đang sử dụng chiếc xe này, còn giấy tờ xe chị đang giữ.

- Ngày 21/11/2018, vợ chồng chị tiếp tục mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS 30E – 233.53 của anh Nguyễn Văn D (tên chủ xe là anh Nguyễn Thành C) với giá 675.000.000 đồng. Đến đầu tháng 8/2020, anh L đã mang xe đi cùng toàn bộ giấy tờ xe, không nói gì cho chị biết. Sau này chị biết anh L đã bán xe với giá 500.000.000 đồng, chị đồng ý với giá trị của chiếc xe là 500.000.000 đồng. Anh L đang quản lý và sử dụng toàn bộ số tiền bán xe.

Chị xác định 02 chiếc xe trên là tài sản chung của vợ chồng tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Tiền mua xe là của vợ chồng tích góp có được, không vay mượn ai. Nay ly hôn, chị yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng đối với 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 30A- 158.47 và 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS 30E- 233.53 theo hướng: Chia cho chị sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 30A- 158.47, còn để anh L quản lý và sử dụng toàn bộ số tiền bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS: 30E- 233.53. Nếu anh L không đồng ý thì chị đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung nêu trên và chị xin nhận trích trả bằng tiền giá trị tài sản chung. Ngoài ra, vợ chồng không còn bất cứ tài sản chung nào khác.

Về công nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Thọ L trình bày: Anh xác nhận một phần lời khai của chị T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Theo anh L, quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống do nhiều nguyên nhân, như cách nuôi dạy con, vấn đề xây dựng kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Do các con lúc đó còn nhỏ nên anh và chị T vẫn cố duy trì cuộc sống chung mong muốn thời gian sẽ giải quyết được những mâu thuẫn. Tuy nhiên, càng chung sống với nhau thì anh càng nhận thấy mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, ảnh hưởng đến việc học hành của con cái. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ tháng 01/2016 cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, việc của ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay, anh xác định không thể tiếp tục chung sống với chị T được nữa vì không còn tình cảm, chị T xin ly hôn anh, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Vũ Thọ Đ, sinh ngày 23/02/2004 và Vũ Thị Khánh V, sinh ngày 05/3/2009. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, anh đang làm nghề tự do, thu nhập bình quân là 15.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con. Anh không đồng ý việc chị T đòi nuôi cả 02 con vì hiện nay chị T đang phải thuê nhà, không có công việc ổn định nên không đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị T gồm 01 chiếc xe nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 30A- 158.47 và 01 chiếc xe 01 chiếc xe nhãn hiệu Toyota Innova, BKS 30E- 233.53 thì anh không đồng ý bởi:

- Đối với chiếc xe nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 30A- 158.47, anh mua của anh Nguyễn Văn H ở thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội, thời điểm mua là năm 2016 với giá 484.000.000 đồng. Tiền mua xe là anh mượn toàn bộ của chị gái anh là chị Vũ Thị T1 vì chị em trong gia đình nên không viết giấy tờ vay mượn tiền. Hiện tại anh vẫn đang sử dụng chiếc xe này, còn giấy tờ xe thì chị T đang giữ. Chiếc xe trên là anh mua khi anh và chị T đã ly thân nhau. Hiện nay, một mình anh vẫn đang trả nợ cho số tiền vay mua xe. Anh xác định đây là số nợ riêng của anh sẽ tự trả, không liên quan gì đến chị T.

- Đối với chiếc xe nhãn hiệu Toyota Innova, BKS 30E- 233.53: Anh mua lại chiếc xe này của anh Nguyễn Văn D (tên chủ xe là anh Nguyễn Thành C) vào ngày 21/11/2018 giá 675.000.000 đồng. Tiền mua xe là do anh mượn toàn bộ của anh Vũ Thọ Thắng là anh trai anh. Vì là anh em trong gia đình nên không làm giấy tờ vay mượn tiền. Do làm ăn không được nên tháng 8/2020 anh đã bán chiếc xe trên cho người khác với giá 500.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán anh đã trả cho anh Thắng. Hiện nay anh vẫn còn nợ anh Thắng gần 200.000.000 đồng. Khi bán có viết giấy bán xe nhưng anh đã làm thất lạc. Anh cũng không nhớ cụ thể tên, tuổi, địa chỉ người mua xe. Anh cho rằng chiếc xe trên là anh mua khi vợ chồng đã ly thân nhau. Hiện nay, một mình anh vẫn đang trả nợ cho anh Thắng số

tiền vay mua xe. Anh xác định đây là số nợ riêng của anh và anh sẽ tự trả, không liên quan gì đến chị T.

Vì vậy, anh không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị T đối với chiếc xe nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 30A- 158.47 và chiếc xe nhãn hiệu Toyota Innova, BKS: 30E- 233.53, vì 2 chiếc xe trên là cá nhân anh vay tiền của anh, chị trong gia đình để mua trong thời gian anh và chị T đã sống ly thân. Do vậy, 02 chiếc xe này là tài sản của riêng anh, nợ cũng của riêng anh, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ.

Từ những nội dung trên bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các Điều 51, 55, 59, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; các Điều 147, 157, 165, 235, 264, 266, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc T tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Anh T và anh Vũ Thọ L.

Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Thọ Đ, sinh ngày 23/02/2004; Vũ Thị Khánh V, sinh ngày 05/3/2009 cho chị T nuôi dưỡng; Anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị T, anh L được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình về việc nuôi dưỡng, thăm nom con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Giao cho anh L quản lý và sử dụng chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 30A- 158.47 và toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS 30E- 233.53. Buộc anh L phải trích trả cho chị T giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 30A- 158.47 và 180.000.000 đồng tiền bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS 30E- 233.53. Tổng giá trị tài sản anh L phải trích trả cho chị T là 290.000.000 đồng.

Chị T có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến chiếc xe nhãn hiệu Toyota Vios, BKS 30A- 15847 cho anh L.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 4 năm 2021, bị đơn là anh Vũ Thọ L kháng cáo Bản án sơ thẩm về vấn đề nuôi con chung và chia tài sản chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là chị Đỗ Thị Anh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày: Chị có chỗ ở và thu nhập đủ điều kiện để nuôi dưỡng 02 con chung, nên chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung; cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh L phải đóng góp như cấp sơ thẩm đã xử. Anh L yêu cầu nuôi một hoặc hai con chung, chị không đồng ý. Về tài sản: Chị xác định khi mua chiếc xe Toyota Vios, BKS: 30A-158.47 chị và anh L chưa ly thân, chị là người trực tiếp đi mua xe cùng anh L và chị là người viết giấy mua bán xe. Đối với chiếc xe Toyota Innova, BKS: 30E- 233.53, tuy mua lúc vợ chồng sống ly thân, nhưng vợ chồng vẫn sống chung một nhà, ăn uống chung, chị là người nội trợ, anh L vẫn đưa tiền để cùng chị trang trải cuộc sống cho cả gia đình, vợ chồng

chỉ không ngủ cùng, không quan hệ tình dục với nhau, nhưng vẫn cùng lo làm ăn kinh tế để duy trì cuộc sống cho cả gia đình, nuôi dậy con cái ăn học; khi mua xe vợ chồng cũng bàn bạc thống nhất và cũng góp tiền mua, không phải vay mượn ai. Do vậy, chị xác định cả hai chiếc xe ô tô trên là tài sản chung của chị và anh L. Ở cấp sơ thẩm, chị đề nghị chia đôi giá trị 02 chiếc xe trên. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã xử cho chị được phần ít hơn anh L, nhưng chị không kháng cáo vì không muốn kéo dài việc giải quyết vụ án. Chị xác định tiền mua 02 chiếc xe trên, là do chị và anh L tích góp được, không phải vay mượn ai.

Người kháng cáo là anh Vũ Thọ L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Chị T không đủ khả năng nuôi cả hai con chung, vì chỗ ở phải đi thuê, công việc không ổn định, thu nhập thấp. Anh có đủ điều kiện để nuôi cả hai con, nên yêu cầu Tòa án giao hai con cho anh nuôi dưỡng. Nếu được nuôi, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nếu các con có nguyện vọng ở với mẹ, anh cũng tôn trọng sự lựa chọn của các con, nhưng anh vẫn muốn mình có quyền được nuôi con. Về tài sản: anh xác định chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 30A- 158.47 và chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS: 30E- 233.53 là do anh mua vào lúc vợ chồng đã ly thân. Mặc dù ly thân nhưng vợ chồng vẫn ăn chung, ở chung. Song, tiền mua xe là do anh vay của anh trai, chị gái anh. Vì vậy, anh xác định đây là tài sản của riêng anh, anh không đồng ý chia cho chị T. Anh sẽ có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số tiền vay để mua xe, không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ này.

Trong phần tranh luận: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Đỗ Thị Anh T trình bày: Về con chung, nguyện vọng của các cháu đều mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của các cháu và giao cho cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, cả 2 chiếc xe ô tô đều được mua trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy, 2 chiếc xe này phải được xác định là tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T chia 02 chiếc xe trên theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn là chị Đỗ Thị Anh T nhất trí với ý kiến của Luật sư, không bổ sung gì thêm.

Bị đơn là anh Vũ Thọ L không đồng ý với ý kiến của Luật sư; anh vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như đã trình bày trên.

Các đương sự không thỏa T được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của anh L. Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án: Sửa Bản án sơ thẩm về tài sản chung: Xác định chiếc xe Toyota Innova, BKS:

30E- 233.53 là tài sản của riêng anh Vũ Thọ L. Về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung là chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 30A- 158.47 giữ nguyên như Bản án sơ thẩm. Anh L không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của Vũ Thọ L trong thời hạn luật định nên được xem xét.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T kết hôn với anh L ngày 22/10/2001 đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống cả hai đương sự đều thừa nhận mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Tuy sống chung một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Chị T xin ly hôn, anh L cũng đồng ý. Bản án sơ thẩm công nhận T tình ly hôn giữa chị T và anh L. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về con chung: Anh L và chị T có 02 con chung là Vũ Thọ Đ, sinh ngày 23/02/2004 và Vũ Thị Khánh V, sinh ngày 05/3/2009. Bản án sơ thẩm quyết định giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh L kháng cáo không đồng ý, anh đề nghị giao cho anh được trực tiếp chăm sóc cả hai con chung. Nếu được nuôi một cháu, anh đề nghị giao cháu Đ cho anh chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thì thấy, hiện tại chị T đang làm việc tại công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Hồng Hà tại Hà Nội với mức lương 10.000.000 đồng/tháng. Về chỗ ở, hiện tại chị T đang tạm trú tại số S, đường A, phường N, quận T, thành phố Hà Nội từ năm 2018 cho đến nay (có xác nhận của Công an Phường N, quân T). Anh L cho rằng hiện tại chị T không có công việc và chỗ ở ổn định là không có căn cứ. Mặt khác, hiện tại cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở cùng chị T. Để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống, không chia tách tình cảm của con chung và thể theo nguyện vọng của các cháu, Bản án sơ thẩm giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo được lợi ích tốt nhất của con chung, cần được giữ nguyên, kháng cáo của anh L là không có căn cứ, nên không được chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Thu nhập bình quân của anh L hiện nay là 15.000.000 đồng/tháng. Do vậy, cấp sơ thẩm buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng cho mỗi con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bản án sơ thẩm xác định tài sản chung của vợ chồng anh L, chị T gồm: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 30A- 158.47 và 500.000.000 đồng tiền bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS: 30E - 233.53. Anh L kháng cáo cho rằng 02 chiếc xe trên là tài sản của cá nhân anh, anh mua khi vợ chồng đã ly thân nhau, tiền mua xe là do anh vay mượn của anh chị trong gia đình anh, chị T không có đóng góp gì.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[5.1] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 30A- 158.47: Chị T, anh L đều thừa nhận mua chiếc xe của anh Nguyễn Văn H ở thôn T, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội với giá 484.000.000 đồng vào tháng 4/2016. Theo chị T xác định thì thời điểm này vợ chồng chưa ly thân. Nội dung giấy mua bán xe đã được chị T và anh L cùng xác định là chữ viết của chị T. Như vậy, cần xác định, chiếc xe trên là tài sản chung của vợ chồng chị T, anh L mua của anh Hòa nên đây là tài sản chung của vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy, yêu cầu chia chiếc xe trên của chị T là có căn cứ chấp nhận. Theo kết quả định giá, chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 30A- 15847 có giá trị là 220.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm xác định anh L, chị T hai người có công sức bằng nhau, khi ly hôn cần chia đôi và giao xe cho anh L sở hữu là có căn cứ vì anh L đang làm nghề kinh doanh ô tô tự lái, chạy dịch vụ; anh L phải có nghĩa vụ trích trả chênh lệch tài sản cho chị T 50% giá trị của chiếc xe Toyota Vios là 110.000.000 đồng là phù hợp pháp luật. Anh L cho rằng chiếc xe này là do anh vay tiền của chị Vũ Thị Thơm (là chị ruột anh) để anh tự đi mua trong lúc vợ chồng đã ly thân nên là tài sản của riêng anh là không có căn cứ chấp nhận.

Hiện chị T đang giữ toàn bộ giấy tờ của chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 30A- 158.47. Do vậy, cần buộc chị T phải bàn giao lại toàn bộ số giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 30A- 158.47 cho anh L.

[5.2] Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS: 30E- 233.53: Chị T và anh L đều thừa nhận mua của anh Nguyễn Văn D (tên chủ xe là anh Nguyễn Thành C) vào ngày 21/11/2018 giá 675.000.000 đồng. Tháng 8/2020 anh L đã bán chiếc xe trên cho người khác với giá 500.000.000 đồng. Toàn bộ giấy tờ mua bán xe do bên mua giữ, anh L cũng không nhớ cụ thể tên, tuổi, địa chỉ của người mua. Chị T đồng ý với trị giá chiếc xe là 500.000.000 đồng; chị xác định đây là tài sản chung vợ chồng và đề nghị được trích chia 50% số tiền bán xe. Anh L cho rằng việc mua bán xe khi vợ chồng anh đã ly thân, chị T không có đóng góp gì đối với tài sản này, tiền mua xe là do anh vay của anh Thắng là anh trai anh.

Án sơ thẩm nhận định: Chiếc xe trên hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và anh L đang tồn tại. Chị T và anh L tuy đều xác định đã sống ly thân, nhưng vẫn sống chung một nhà, anh L vẫn chu cấp toàn bộ chi phí sinh hoạt cho cả gia đình. Anh L cho rằng anh mua xe khi vợ chồng đã ly thân, chỉ một mình anh giao dịch mua bán xe với anh Dũng và toàn bộ tiền mua xe là anh vay của anh trai anh là anh Vũ Thọ Thắng để mua xe. Tuy nhiên, anh L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho ý kiến của mình. Do vậy, cần xác định tài sản trên hình thành trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng, nên là tài sản chung vợ chồng; anh L và chị T sống ly thân từ năm 2016, đến năm 2018 mới mua chiếc xe Toyota Innova, BKS: 30E- 233.53, anh L là người trực tiếp quản lý và sử dụng xe, có công sức đóng góp nhiều hơn đối với tài sản chung này, nên khi ly hôn cần chia cho anh L phần giá trị nhiều hơn chị T là có căn cứ. Tuy nhiên, Bản án của

cấp sơ thẩm đã nhận định chiếc xe trên hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa chị T và anh L đang tồn tại để xác định chiếc xe là tài sản chung của chị T và anh L, nhưng lại không áp dụng Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tài sản chung của vợ chồng để giải quyết là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử xác định chiếc xe Innova, BKS: 30E- 233.53là tài sản của riêng anh L. Vì cho rằng mức thu nhập của anh L và chị T trong thời kỳ sống ly thân chỉ đủ trang trải cuộc sống của gia đình, không có tích lũy để mua chiếc xe ô tô Toyota Innova nêu trên nên tiền mua xe Innova là do một mình anh L lo liệu là không phù hợp với thực tế. Bởi lẽ, tiền mua chiếc xe Innova nêu trên không chỉ là số tiền vợ chồng tạo ra được trong thời gian sống ly thân, mà còn là của cả thời kỳ hôn nhân. Chị T và anh L kết hôn với nhau từ năm 2001. Trong thời kỳ hôn nhân (khoảng 20 năm) vợ chồng kinh doanh, làm ăn có thể tích lũy được đủ số tiền để mua 02 chiếc xe ô tô nêu trên, không cần phải vay mượn. Mặt khác, cần xác định cả 02 chiếc xe trên là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân của chị T và anh L. Cho dù tiền dùng để mua xe là của một hoặc hai bên tạo ra thì vẫn phải coi đây là tài sản chung của vợ chồng nếu không có căn cứ để xác định là tài sản riêng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã đều thống nhất về giá trị của chiếc xe Toyota Innova, BKS: 30E-233.53 là 500.000.000 đồng, nên cần được chấp nhận. Anh L là người quản lý và sử dụng số tiền bán xe này. Căn cứ vào công sức đóng góp của các đương sự đối với chiếc xe Toyota Innova, BKS: 30E- 233.53, cấp sơ thẩm đã buộc anh L phải có nghĩa vụ trích trả phần giá trị tài sản là tiền bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS: 30E- 233.53 cho chị T 180.000.000 đồng là phù hợp pháp luật.

Vì vậy, kháng cáo của anh Vũ Thọ L về tài sản là cũng không có căn cứ để chấp nhận.

Về công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Do kháng cáo của anh L không được chấp nhận, nên anh L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Vũ Thọ L, giữ nguyên quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số:12/2021/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Áp dụng các Điều 33, 51, 55, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình; các Điều 147, 148, 157, 165, 235, 264, 266, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 213 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự T tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Anh T và anh Vũ Thọ L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Thọ Đ, sinh ngày 23/02/2004 và Vũ Thị Khánh V, sinh ngày 05/3/2009 cho chị T nuôi dưỡng; Anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/con/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị T, anh L được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình về việc nuôi dưỡng, thăm nom con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh L được sở hữu chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 30A- 158.47 và toàn bộ số tiền 500.000.000 đồng bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS: 30E- 233.53. Buộc anh L phải trích trả cho chị T giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 30A- 158.47 là 110.000.000 đồng và 180.000.000 đồng tiền bán chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, BKS: 30E- 233.53. Tổng giá trị tài sản anh L phải trích trả cho chị T là 290.000.000 đồng.

Chị T có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ giấy tờ liên quan đến chiếc xe nhãn hiệu Toyota Vios, BKS: 30A-158.47 chị đang giữ cho anh L.

4. Về công nợ: Không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu xem xét, nên không đặt ra giải quyết.

6. Về án phí:

6.1. Về án phí sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 14.500.000 đồng án phí chia tài sản chung. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0000322 ngày 29/10/2020 và 5.000.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2018/0000323 ngày 29/10/2020 cùng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Chị T còn phải nộp số tiền 9.500.000 đồng.

Anh Vũ Thọ L phải chịu 21.200.000 đồng án phí chia tài sản chung và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Vũ Thọ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh L đã nộp đủ số tiền 300.000 theo biên lai thu số: AA/2018/0000496 ngày 05/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T,

tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp